



Tuần 07 (14-18/02/22)

BSC WEEKLY REVIEW

***Dự báo cơ cấu ETF VNM và ETF
FTSE quý I 2022***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tích lũy cổ phiếu tại các nhịp rung lắc*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo cơ cấu ETF VNM và ETF FTSE quý I 2022*
3. PTKT VN-INDEX: *Tích lũy lại từ 1,475 – 1,500 cho nhịp tăng điểm mới*
4. TIN VĨ MÔ: *CPI tháng 01 Hoa Kỳ tăng 7.5% so với cùng kỳ năm trước*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN: *5/5 khuyến nghị chưa chốt*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Tài nguyên cơ bản 11.52%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *ETF Diamond, Fubon, Finlead tăng quy mô*
8. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: *TDC, IDJ*
9. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tích lũy cổ phiếu tại các nhịp rung lắc

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1501.71	1.54%
GTGD/phiên (tỷ VND)	19,834.16	-0.85%
Khối ngoại (tỷ VND)	-1084.03	
HNX-INDEX	426.89	2.43%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1684.98	-13.10%
Khối ngoại (tỷ VND)	55.82	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4418.64	-1.90%	-1.82%	-5.16%
EU (EURO STOXX)	4155.23	-1.00%	1.68%	-2.74%
China (SHCOMP)	3462.95	-0.66%	-0.66%	-3.26%
Japan (NIKKEI)	27696.08	0.42%	1.67%	-2.78%
Korea (KOSPI)	2747.71	-0.87%	0.10%	-6.14%
Singapore (STI)	3428.95	0.03%	2.93%	5.34%
Thailand (SET)	1699.20	-0.22%	1.49%	1.59%
Phillipines (PCOMP)	7270.36	-2.18%	-2.49%	-0.51%
Malaysia (KLCI)	1578.89	0.56%	3.69%	0.93%
Indonesia (JCI)	6815.61	-0.12%	1.25%	2.36%
Vietnam (VNIndex)	1501.71	-0.34%	1.54%	-1.75%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2112	0.00	-100.00%	18,135	24,960
VN30F2201	0.00	-100.00%	95	701
VN30F2203	1538.90	-0.45%	6	507
VN30F2206	1527.00	-1.22%	11	253

TTCK VIỆT NAM

Tích lũy lại sau nhịp tăng chờ sự đồng thuận thông tin hỗ trợ và dòng tiền

Tương đồng với nhận định tuần trước nghỉ Lễ, VN-Index đã có tăng tốt trên 1.5% và vượt qua ngưỡng tâm lý 1,500 điểm khi tâm được cởi trói và dòng tiền NĐT tích cực trở lại. Thị trường tăng điểm với độ rộng tốt với 17/19 ngành tăng và 321 cổ phiếu tăng so 79 cổ phiếu giảm. Các nhóm cổ phiếu điều chỉnh mạnh trước đó như Tài nguyên cơ bản, Hóa chất, Du lịch và giải trí có mức hồi phục ấn tượng lần lượt 11.5%, 9% và 8%. Mùa công bố thông tin cơ bản đã hoàn thành, thị trường sẽ chuyển kỳ vọng sang triển vọng KQKD quý I và năm 2022 tại mùa ĐHCĐ thường niên. Biến động tiêu cực của thế giới trước tình hình lạm phát gia tăng và HĐTL tháng 2 đáo hạn tuần tới khiến cho diễn biến thị trường khó lường. VN-Index dự báo sẽ vận động tích lũy lại từ 1,475 – 1,500 điểm trước khi lấy lại đà tăng kiểm tra đỉnh tại 1,530 điểm.

Tính đến 10/2, 719 cổ phiếu, chiếm 95% công ty niêm yết 2 sàn, công bố KQKD quý IV với mức tăng LNST 13.5% yoy. 55.6% số công ty có tăng trưởng dương và 10.3% số công ty thua lỗ quý IV. Nhóm VN30 có 29/30 cổ phiếu công bố KQKD với mức tăng trưởng LNST 4.3% và 19/19 cổ phiếu Ngân hàng có mức tăng trưởng LNST 7.2% quý IV so cùng kỳ. Mặt bằng lợi nhuận cùng kỳ 2020 cao hơn các quý trước và sự phân hóa và giảm mạnh LNST của các cổ phiếu VIC, CTG, FLC, GVR khiến cho tốc độ tăng trưởng quý IV so cùng kỳ giảm mạnh so với 9 tháng đầu năm. Mùa công bố KQKD quý IV đã cơ bản hoàn thành và hướng tới mùa họp ĐHCĐ năm 2022.

TTCK THẾ GIỚI

Lạm phát Hoa Kỳ giữ ở mức cao ảnh hưởng đến các thị trường trong ngắn hạn và gây áp lực tăng lãi suất sớm lên FED

TTCK Hoa Kỳ có phiên giảm mạnh thứ 5 sau báo cáo lạm phát tiêu cực. Dù vậy các chỉ số chứng khoán vẫn có mức tăng từ 0.3% - 2.2% trong 5 phiên giao dịch. Ngoại trừ mức giảm -2.5% của thị trường Philippines, các thị trường khu vực đều có mức tăng điểm. Đà tăng của chỉ số hàng hóa chững lại với mức giảm -0.5%, ảnh hưởng từ mức giảm -2.5% của dầu thô và -12.4% của Gas tự nhiên trong khi chỉ số USD Index bật tăng trở lại 0.4%. Bên cạnh đó, khả năng chiến tranh tại biên giới Ukraine ngày một gia tăng. Tổng thống Biden đã cảnh báo tổng thống Putin về "Hậu quả nhanh chóng và nghiêm trọng" nếu Nga tấn công Ukraine và ra lệnh cho hầu hết các nhân viên đại sứ quán rời khỏi Ukraine và Moscow. Nếu chiến tranh tại biên giới Ukraine nổ ra thì có thể gây một nhịp điều chỉnh lên các thị trường chứng khoán và củng cố giá dầu giao dịch trên ngưỡng 90 USD/thùng trong giai đoạn căng thẳng này.

Chỉ số CPI Hoa Kỳ tháng 1 tăng 7.5% yoy, mức cao nhất trong 40 qua. CPI lõi (Không gồm năng lượng và thực phẩm) cũng tăng 6%. Giá tăng mạnh ở các nhóm thức ăn, phương tiện đi lại, nhà ở và điện. Phản ứng với thông tin lạm phát, Lợi suất trái phiếu Chính phủ Hoa Kỳ kỳ hạn 10 năm vượt mốc 2% kể từ giữa năm 2019 trong khi TTCK giảm điểm. Lạm phát tăng cao tiếp tục tạo sức ép lớn lên khả năng đẩy nhanh quá trình tăng lãi suất của FED tại kỳ họp vào ngày 15-16/3. Một số tổ chức tài chính dự báo FED sẽ tăng lãi suất 0.5% trong cuộc họp tháng 3 và thực hiện tăng 0.25% từ 3 đến 5 lần trong năm 2022.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



Chuyên đề: *Review ETFs VNM quý I năm 2022*

Dữ liệu chốt ngày 09/02, Danh mục VNM dự báo thay đổi như sau:

- VCG, PVD thỏa mãn các tiêu chí trường hợp tỷ lệ Freefloat lần lượt 45% và 43%. Trường hợp thêm mới sẽ có tỷ trọng lần lượt 1.1% và 0.7% danh mục. Quỹ không loại bỏ cổ phiếu nào.
- Danh mục 50 cổ phiếu. Cổ phiếu nước ngoài gồm 14 cổ phiếu, chiếm tỷ trọng 22% so với tỷ lệ 21.43% đầu kỳ và 36 cổ phiếu trong nước, chiếm tỷ trọng 77.9% so với 78.6% đầu kỳ. Nhiều khả năng tỷ trọng cổ phiếu Việt nam sẽ giữ nguyên hoặc tăng nhẹ nếu bổ sung cổ phiếu trong kỳ.
- Quỹ công bố điều chỉnh danh mục vào 11/03 và sẽ giao dịch từ 14 – 18/03/2022.

Danh mục cổ phiếu Việt Nam dự kiến thay đổi như sau:

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	VIC	8.00%	6,835,907	1,810,359	
2	VHM	8.00%	-2,260,260	-629,434	
3	MSN	7.00%	-496,155	-76,813	
4	VNM	6.50%	-220,513	-60,444	
5	HPG	5.60%	-2,261,836	-1,085,299	
6	NVL	5.20%	50,766	14,585	
7	THD	3.40%	366,478	47,394	
8	VCB	2.80%	-605,104	-151,249	
9	SSI	2.80%	-1,787,521	-887,737	
10	VND	2.40%	-1,024,290	-322,879	
11	PDR	2.10%	226,693	56,663	
12	VRE	1.80%	-225,664	-142,665	
13	DIG	1.70%	-325,259	-108,242	
14	IDC	1.40%	1,920,985	670,749	
15	VCI	1.40%	-906,634	-340,115	
16	KBC	1.20%	169,696	68,287	
17	DGC	1.20%	-22,711	-3,506	
18	GEX	1.10%	-1,564,572	-919,936	
19	SAB	1.10%	-270,535	-39,922	
20	VJC	1.00%	-276,716	-46,521	
21	POW	1.00%	437,413	557,726	
22	VCG	1.00%	5,332,545	2,769,507	Thêm mới
23	STB	0.90%	-229,606	-148,677	
24	KDC	0.80%	-275,931	-115,973	
25	ITA	0.80%	398,654	572,649	
26	HSG	0.70%	-590,546	-367,710	
27	SBT	0.70%	-373,860	-368,919	
28	VHC	0.70%	-77,283	-25,531	
29	KDH	0.70%	-171,801	-73,431	
30	VPI	0.70%	-84,619	-31,279	
31	PVS	0.60%	-150,428	-121,067	
32	SHS	0.60%	-131,665	-71,149	
33	DPM	0.60%	-330,205	-171,104	
34	PVD	0.60%	3,318,420	2,523,111	Thêm mới
35	TCH	0.60%	-689,272	-743,170	
36	HNG	0.60%	-9,371	-22,459	
37	APH	0.60%	311,268	205,963	
38	BVH	0.60%	-312,873	-127,030	

Chuyên đề: *ETFs FTSE quý I năm 2022*

Danh mục FTSE dự báo thay đổi như sau:

- FTSE Vietnam Index thêm cổ phiếu NLG (tỷ trọng 1.3%) và không loại cổ phiếu nào.
- Quỹ công bố điều chỉnh danh mục vào 4/03 và giao dịch từ 07 – 18/03/2021.

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Giá trị	± Số lượng	Ghi chú
1	HPG	13.00%	1,188,523	570,290	
2	VIC	12.30%	-328,394	-86,969	
3	VHM	11.10%	-7,225,947	-2,012,271	
4	MSN	9.70%	1,055,681	163,436	
5	NVL	6.70%	1,303,065	374,359	
6	VNM	6.50%	-3,085,514	-845,759	
7	VRE	5.00%	449,016	283,868	
8	VCB	4.30%	600,893	150,197	
9	SSI	3.70%	-1,128,655	-560,524	
10	VJC	2.70%	238,675	40,126	
11	STB	2.50%	222,993	144,395	
12	PDR	2.20%	-1,516,190	-378,981	
13	KDH	2.10%	498,522	213,078	
14	DIG	2.10%	1,204,651	400,891	
15	GEX	2.00%	166,541	97,923	
16	KBC	2.00%	751,785	302,527	
17	DGC	1.50%	155,144	23,953	
18	PLX	1.50%	378,159	144,490	
19	DXG	1.30%	114,225	72,821	
20	NLG	1.30%	4,773,721	2,010,100	Thêm mới
21	VCI	1.20%	-1,567,891	-588,179	
22	HSG	1.10%	499,187	310,824	
23	POW	1.00%	85,443	108,945	
24	SBT	0.90%	289,655	285,827	
25	TCH	0.90%	82,871	89,351	
26	PVD	0.80%	227,698	173,127	
27	APH	0.70%	452,919	299,692	

Chuyên đề: Tổng hợp thay đổi danh mục cả 2 quỹ ETFs VNM & FTSE

STT	Mã	± GT FTSE	± GT VNM	± KL FTSE	± KL VNM	± Tổng KL
1	APH	452,919	311,268	299,692	205,963	505,655
2	BVH	-	-312,873	-	-127,030	-127,030
3	DIG	1,204,651	-325,259	400,891	-108,242	292,649
4	DGC	155,144	-22,711	23,953	-3,506	20,447
5	DPM	-	-330,205	-	-171,104	-171,104
6	DXG	114,225	-	72,821	-	72,821
7	GEX	166,541	-1,564,572	97,923	-919,936	-822,013
8	HPG	1,188,523	-2,261,836	570,290	-1,085,299	-515,009
9	HNG	-	-9,371	-	-22,459	-22,459
10	HSG	499,187	-590,546	310,824	-367,710	-56,886
11	IDC	-	1,920,985	-	670,749	670,749
12	ITA	-	398,654	-	572,649	572,649
13	KBC	751,785	169,696	302,527	68,287	370,814
14	KDC	-	-275,931	-	-115,973	-115,973
15	KDH	498,522	-171,801	213,078	-73,431	139,647
16	MSN	1,055,681	-496,155	163,436	-76,813	86,624
17	NLG	4,773,721	-	2,010,100	-	2,010,100
18	NVL	1,303,065	50,766	374,359	14,585	388,944
19	PDR	-1,516,190	226,693	-378,981	56,663	-322,317
20	PLX	378,159	-	144,490	-	144,490
21	POW	85,443	437,413	108,945	55,772	666,671
22	PVD	227,698	3,318,420	173,127	252,311	2,696,238
23	PVS	-	-150,428	-	-121,067	-121,067
24	SAB	-	-270,535	-	-39,922	-39,922
25	SBT	289,655	-373,860	285,827	-368,919	-83,092
26	SHS	-	-131,665	-	-71,149	-71,149
27	SSI	-1,128,655	-1,787,521	-560,524	-887,737	-1,448,261
28	STB	222,993	-229,606	144,395	-148,677	-4,283
29	TCH	82,871	-689,272	89,351	-743,170	-653,819
30	THD	-	366,478	-	47,394	47,394
31	VCI	-1,567,891	-906,634	-588,179	-340,115	-928,294
32	VCB	600,893	-605,104	150,197	-151,249	-1,053
33	VCG	-	5,332,545	-	276,950	2,769,507
34	VHC	-	-77,283	-	-25,531	-25,531
35	VHM	-7,225,947	-2,260,260	-2,012,271	-629,434	-2,641,705
36	VIC	-328,394	6,835,907	-86,969	181,035	1,723,390
37	VJC	238,675	-276,716	40,126	-46,521	-6,395
38	VND	-	-1,024,290	-	-322,879	-322,879
39	VNM	-3,085,514	-220,513	-845,759	-60,444	-906,203
40	VPI	-	-84,619	-	-31,279	-31,279
41	VRE	449,016	-225,664	283,868	-142,665	141,203

PTKT VN-INDEX: Tích lũy lại từ 1,475 – 1,500 cho nhịp tăng điểm mới

Đồ thị ngày: Như nhận định tuần trước kỳ nghỉ Lễ, VN-Index đã có đà tăng tốt vượt qua ngưỡng tâm lý 1,500 điểm với 4/5 phiên tăng điểm trong tuần. Đà tăng có dấu hiệu suy yếu dần về cuối tuần với thanh khoản giảm sút và các cổ phiếu chủ chốt không giữ được đà tăng. Các chỉ báo kỹ thuật đang chuyển biến khá tích cực đưa chỉ số quay lại xu hướng tăng ngắn hạn dù vẫn nằm trong xu hướng đi ngang, tích lũy đỉnh trung hạn.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo RSI tăng từ 50 lên 55.
- MACD cắt đường tín hiệu từ dưới lên cũng như vượt qua ngưỡng 0.
- VN-Index vượt SMA20 và SMA50

Nhận định: VN-Index đã vượt SMA20 với sự luân chuyển của dòng tiền tại các nhóm cổ phiếu dẫn dắt. Tuy nhiên với diễn biến suy yếu dần vào cuối tuần và thanh khoản không tăng trưởng, VN-Index dự báo sẽ tích lũy trở lại từ 1,485 – 1,500 điểm. Vận động giá rõ rệt kiểm tra lại đỉnh kỷ lục tại 1,530 điểm sau tích lũy có thể diễn ra khi thông tin hỗ trợ và dòng tiền có tính đồng thuận lớn hơn



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: CPI tháng 01 Hoa Kỳ tăng 7.5% so với cùng kỳ năm trước

VIỆT NAM:

- Theo báo cáo của Vụ Ngân sách nhà nước, thu ngân sách nhà nước thực hiện trong tháng 1/2022 ước đạt 13% dự toán, tương ứng khoảng 183.5 ngàn tỷ đồng - bằng 96.8% so với cùng kỳ năm 2021. Về tổng thể cân đối ngân sách nhà nước thặng dư 69.6 ngàn tỷ đồng. Tổng thu ngân sách nội địa tháng 1/2022 do ngành Thuế quản lý ước đạt 155.200 tỷ đồng, đạt 13,2% dự toán, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm trước.
- Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài chính dự báo tổng tài sản thị trường bảo hiểm năm 2022 đạt 808.908 tỷ đồng, tăng 13,93% so với năm 2021. Về doanh nghiệp, tổng nguồn vốn chủ sở hữu các doanh nghiệp bảo hiểm năm 2022 ước đạt 165.069 tỷ đồng, tăng 8,25% so với năm 2021. Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 253.730 tỷ đồng, tăng 18,04% so với năm 2021.
- Trong tháng 1/2022, Kho bạc Nhà nước huy động được 23.082 tỷ đồng trái phiếu, giảm 23,6% so với tháng trước; kỳ hạn 10 năm chiếm tỷ trọng phát hành lớn nhất đạt 46%, tương ứng với khối lượng phát hành 10.627 tỷ đồng. Nếu so với kế hoạch phát hành 105.000 tỷ đồng trong quý 1/2022 mà Kho bạc Nhà nước công bố trước đó, cơ quan này mới hoàn thành được gần 22%.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cập nhật việc giảm lãi vay của các NHTM. Tổng số tiền lãi giảm lũy kế từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 của 16 ngân hàng là khoảng 21.244 tỷ đồng, đạt 105,13% so với cam kết.
- Sau Tết Nguyên đán, nhiều ngân hàng đồng loạt nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân từ 0.1-0.4 điểm phần trăm so với kỳ trước. Mặt bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân tính đến đầu tháng 02/2022 phổ biến ở mức 3.1-4%/năm với kỳ hạn dưới 6 tháng; từ 4-6%/năm với kỳ hạn từ 6 đến dưới 12 tháng; và 4.85-7%/năm với kỳ hạn 12-13 tháng.

THẾ GIỚI:

- Bộ Thương mại Hoa Kỳ cho biết thâm hụt thương mại hàng hóa và dịch vụ quốc gia này trong năm 2021 đã tăng 27% lên mức cao nhất lịch sử 859,1 tỷ USD, vượt qua mức kỷ lục cũ là 763,53 tỷ USD thiết lập vào năm 2006. Thâm hụt thương mại với Trung Quốc tăng 14,5% so với năm trước lên 355,3 tỷ USD.
- Theo báo cáo của Ban Tín dụng Tiêu dùng, Ngân hàng Dự trữ Liên bang New York, nợ hộ gia đình của Hoa Kỳ trong năm 2021 đã tăng thêm 1.000 tỷ USD, mức tăng lớn nhất 14 năm. Theo đó, các khoản vay mua nhà mới và mua ô tô tăng mạnh đã tác động cùng chiều đến nợ thế chấp của các hộ gia đình.
- Bộ Lao động Hoa Kỳ thông báo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1 tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/1982, vượt ước tính tăng 7,2% của Dow Jones. Nếu loại bỏ biến động giá thực phẩm và khí đốt, CPI tăng 6%, vượt ước tính tăng 5,9%. Lạm phát lõi cũng tăng nhanh nhất kể từ tháng 8/1982.
- Ủy ban châu Âu dự báo GDP của eurozone sẽ tăng trưởng 4% trong năm 2022, thấp hơn mức 4,3% được dự báo 3 tháng trước. Trong khi đó, lạm phát được cho là sẽ tăng mạnh hơn mức dự báo 3,5% trong năm 2022. Theo đó, EC dự báo kinh tế eurozone sẽ trở về mức lạm phát trong khu vực còn 1,7%, thấp hơn mức 2% mà ECB khuyến nghị.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Công bố KQKD quý IV, năm 2021 và lịch họp ĐHCĐ các công ty niêm yết.
- Hợp đồng tương lai tháng 2 đáo hạn ngày 17/2.
- Ngày 15/2, GDP lần đầu Nhật Bản, EU và Biên bản chính sách tiền tệ Australia GDP Canada. 16/2, CPI Trung Quốc, Anh, Canada; Chỉ số công nghiệp, Doanh thu bán lẻ và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 17/2, Biên bản chính sách tiền tệ FED; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ và Cuộc họp G20. 18/2, Doanh thu bán lẻ Anh, Canada; Doanh thu bán nhà qua sử dụng Hoa Kỳ.



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/2/22	IDJ	29.5	38.3	26.5	29.5	0	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/2/22	TDC	26.55	31.7	24.1	26.55	0	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/1/22	VND	69	76	64	71.5	12	3.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
30/1/22	PVI	49.2	54	45	49	12	-0.41%	Có thể tiếp tục mua
30/1/22	HCM	37.15	43	34	38.5	12	3.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
30/1/22	FRT	87.7	100	81.5	TP	12	14.03%
26/12/21	MHC	15.1	18	14	SL	21	-7.28%
26/12/21	SGI	30.5	34.5	28	SL	12	-8.20%
12/12/21	TNG	32.8	37.5	30.2	SL	42	-7.93%
12/12/21	FRT	71.8	94	63	TP	12	30.92%
28/11/21	TLH	21.8	26.2	20.5	SL	63	-5.96%
28/11/21	LCG	20.05	26	18.7	SL	63	-6.73%
28/11/21	PPP	18.7	21.5	17.3	SL	14	-7.49%
28/11/21	LIG	17.8	22.8	16.2	SL	14	-8.99%
10/11/21	SRA	10.8	12.5	9.8	TP	44	15.74%
9/11/21	GIL	73.2	87	70.5	SL	17	-3.69%
8/11/21	VSC	41.25	48	40.1	SL	67	-2.79%
7/11/21	FMC	52.9	61.6	48	SL	77	-9.26%
31/10/21	MST	19	23.2	17.5	SL	42	-7.89%
31/10/21	DHG	103.8	116	100.8	SL	26	-2.89%

Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ

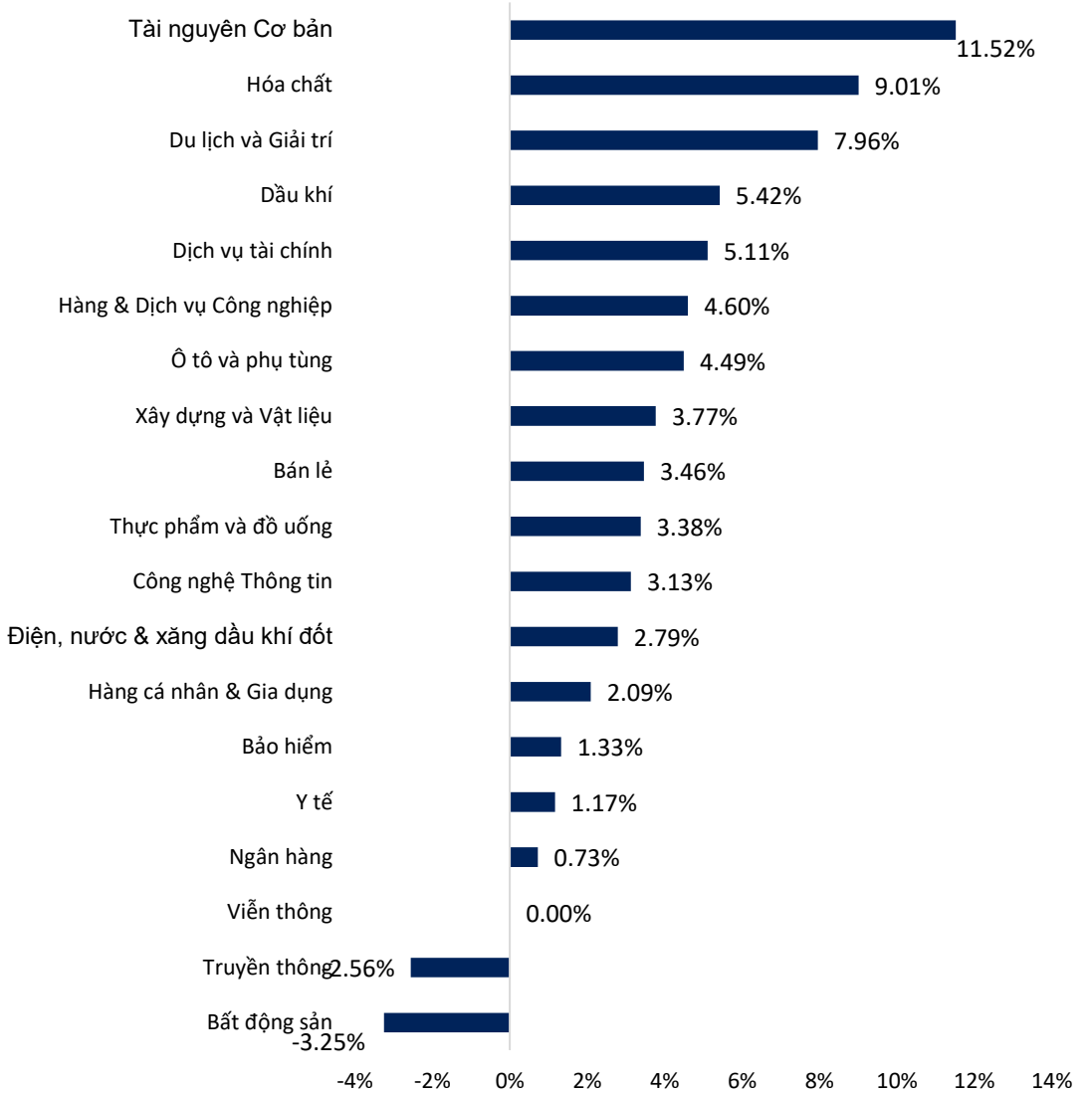
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	4	1	1.81%	-0.41%	1.37%	7
Đã chốt	141	112	15.80%	-8.00%	5.26%	30



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Tài nguyên Cơ bản	0.76%	11.52%	2.58%	HPG	11.73%	
Hóa chất	1.33%	9.01%	-4.39%	DRC	9.25%	DGC 5.80%
Du lịch và Giải trí	-0.38%	7.96%	8.42%	HVN	7.82%	VJC 8.94%
Dầu khí	-1.10%	5.42%	8.36%	PLX	5.88%	GAS 1.83%
Dịch vụ tài chính	0.94%	5.11%	-5.12%	SSI	0.11%	HCM 3.63%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	93.10	3.58%	0.86%	15.41%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	94.44	3.31%	1.25%	12.46%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	273.86	2.75%	2.24%	16.01%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,858.76	1.75%	2.79%	1.79%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.59	1.66%	4.74%	1.91%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,586.25	0.62%	1.85%	13.67%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	804.00	3.24%	4.42%	3.98%		AFX
Sữa	USD/cwt	22.68	2.58%	4.71%	2.67%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	253.80	1.12%	5.31%	4.44%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	17.81	-0.45%	0.11%	-0.11%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	252.05	-1.25%	3.96%	6.35%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,860.50	-3.84%	0.19%	-2.02%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,986.00	1.63%	1.63%	12.75%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	3,136.50	-3.51%	2.03%	5.16%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	833.50	3.86%	3.86%	21.06%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	195.10	2.23%	2.90%	30.85%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	803.98	1.60%	1.60%	12.70%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



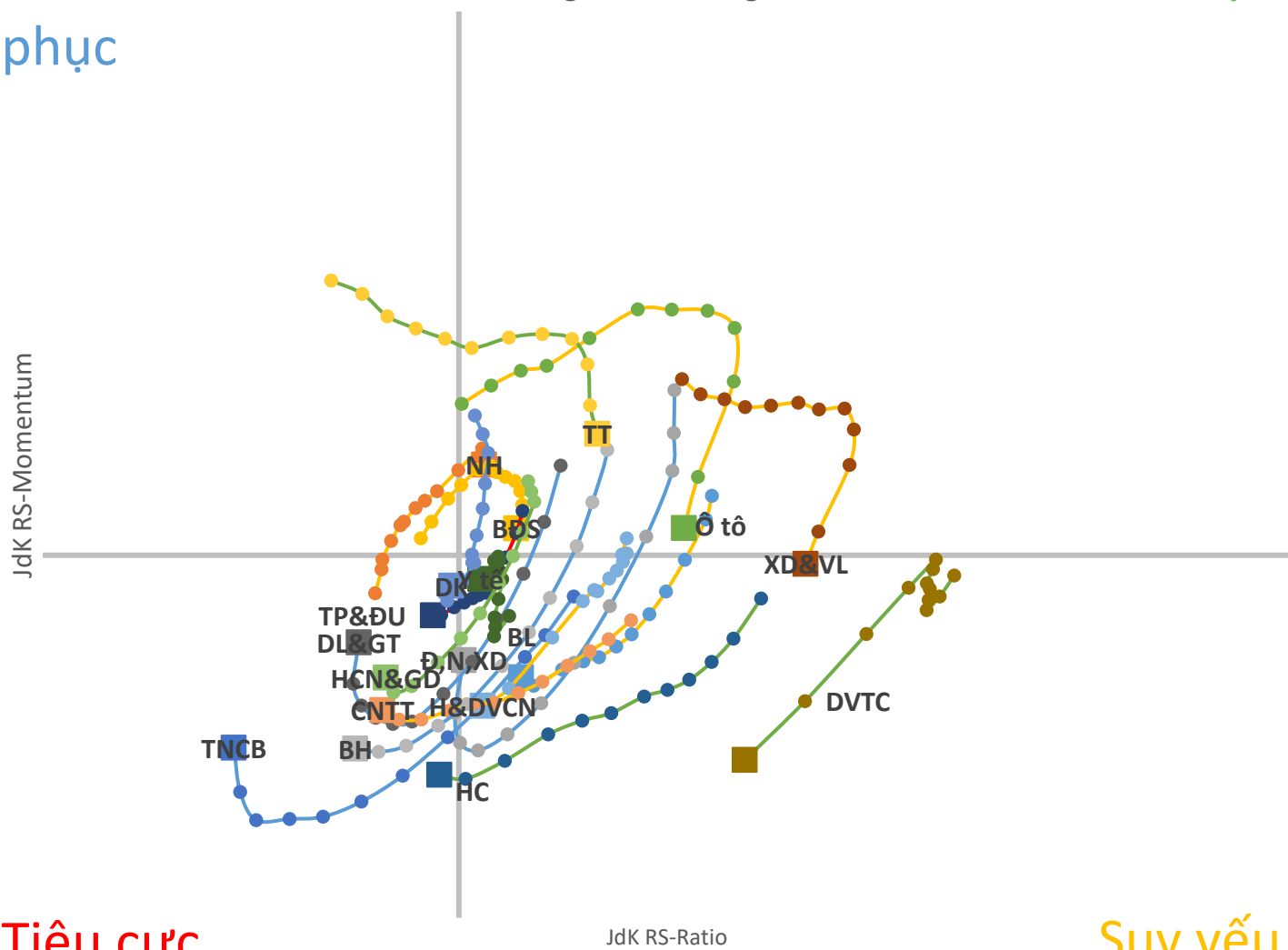
VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Vận động ngành				
Ngành	Ký hiệu	Ratio	Moment	12W%Δ
Ngân hàng	NH	101.2248	102.50	-1.4%
Bất động sản	BDS	102.7618	100.74	-2.9%
Ô tô và phụ tùng	Ô tô	110.8328	100.75	-0.6%
Truyền thông	TT	106.6634	103.34	6.4%
Bán lẻ	BL	102.9938	96.63	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	Đ,N,XD	100.2453	97.10	10.2%
Xây dựng và Vật liệu	XD&VL	116.6797	99.76	8.0%
Dịch vụ tài chính	DVTC	113.7512	94.35	-11.8%
Y tế	Y tế	101.05	99.34	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	H&DVCN	101.1494	95.84	-7.4%
Tài nguyên Cơ bản	TNCB	89.18907	94.69	-4.5%
Hóa chất	HC	99.07401	93.94	-7.4%
Du lịch và Giải trí	DL>	95.20	97.59	5.7%
Thực phẩm và đồ uống	TP&ĐU	98.76	98.34	-2.6%
Công nghệ Thông tin	CNTT	96.32527	95.73	-7.3%
Bảo hiểm	BH	95.02917	94.66	-10.2%
Dầu khí	DK	99.65143	99.15	6.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	HCN&GD	96.49433	96.62	-3.7%

Hồi
phục

Ma trận tương quan giữa các ngành vs VN-Index

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
HPG	0.1173	5.74636
GVR	0.08814	2.85
MSN	0.04755	2.08
SAB	0.0733	1.81
VJC	0.08942	1.53
VCB	0.01124	1.24
PLX	0.05882	1.11
HVN	0.07819	1.09
GAS	0.01835	0.99
POW	0.08929	0.9092
Tổng		19.3457

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-0.15773	-15.0762
NVL	-0.02253	-0.89804
VHM	-0.00747	-0.66156
DIG	-0.0625	-0.59764
VNM	-0.01324	-0.5931
EIB	-0.04406	-0.53155
SSB	-0.02672	-0.40236
VRE	-0.01001	-0.20527
CTG	-0.00271	-0.12922
STB	-0.00703	-0.12322
Tổng		-19.2182

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
FUEVFN	436.56	
VHM	175.07	23.86
GMD	137.82	41.69
VND	124.64	19.70
VCB	103.92	23.62
CTG	96.05	25.99
PNJ	84.12	47.66
VGC	82.66	3.58
KBC	70.33	17.96
HCM	65.70	43.90
Tổng	1,376.88	

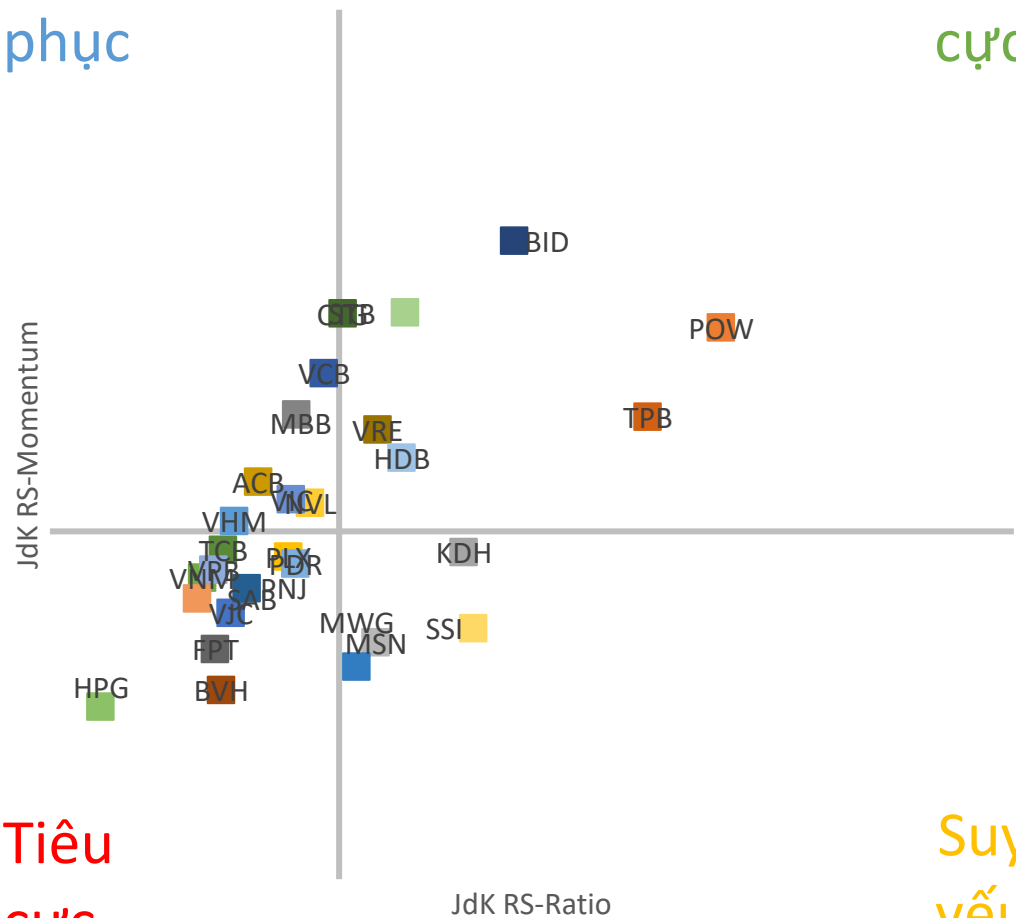
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VIC	-1604.57	13.43
HPG	-320.70	23.53
NVL	-201.44	7.21
E1VFN3	-108.66	
VHC	-60.36	26.39
NKG	-55.64	7.62
VRE	-54.85	30.06
PVD	-52.22	6.01
HVN	-42.09	6.01
MSB	-40.43	
Tổng	-2540.96	

Vận động cổ phiếu VN30			
Mã	RS-Ratio	RS-Mom'	12W%Δ
POW	119.82	105.86	41.86%
BVH	93.89	95.44	-9.82%
VRE	102.01	102.92	14.19%
BID	109.09	108.35	36.32%
CTG	100.19	106.26	14.94%
TPB	116.01	103.29	32.98%
HDB	103.25	102.12	3.31%
STB	103.43	106.29	27.44%
VHM	94.56	100.29	-2.21%
NVL	98.50	100.81	-3.02%
VIC	97.51	100.92	-13.82%
MBB	97.78	103.35	20.82%
ACB	95.81	101.42	6.73%
VCB	99.22	104.54	19.72%
KDH	106.48	99.40	6.02%
MSN	101.91	96.80	1.79%
MWG	100.90	96.10	-2.66%
SSI	106.97	97.21	2.15%
PLX	97.37	99.27	0.00%
VJC	94.39	97.65	3.27%
VNM	92.90	98.66	-3.17%
PNJ	95.21	98.36	3.08%
FPT	93.58	96.61	-4.58%
PDR	97.75	99.07	-0.66%
SAB	92.65	98.06	-3.25%
HPG	87.64	94.96	-12.69%
TCB	94.00	99.46	4.27%
GAS	96.47	95.62	4.72%
GVR	93.70	94.61	-9.95%
VPB	93.50	98.89	0.27%

Hồi
phục

Tiêu
cực

CP VN30 vs. VN-Index



Tích
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	9.99	110.54	541.88
Giá trị bán	24.35	54.72	306.16
Mua / bán ròng	-14.36	55.82	235.72
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	333.73	1,899.53	9,794.77
Giá trị bán	139.75	2,069.71	9,908.21
Mua / bán ròng	193.98	-170.18	-113.44
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
TCB	204.31	FUEVFN30	-438.07
E1VFN30	107.42	VIC	-87.80
HSG	54.11	REE	-53.91
OCB	45.91	VPB	-53.45
FPT	44.53	MWG	-44.28
NKG	40.42	VCB	-43.67
ACB	35.90	PNJ	-40.40
HPX	32.10	VPB	-34.15
NVL	27.91	MSN	-27.63
DPM	26.63	KDH	-25.28

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	552.98	20.00	0.00	-0.65%	0.00	0.00	-10.28
FTSE	377.52	45.12	0.00	-0.74%		-2.34	-13.91
iShare	508.66	0.00	0.00	0.00%	0.00	0.00	3.45
E1VFN30	455.97	1.15	-6.10	0.34%	-22.7	-29.8	-34.6
FUEVFN30	628.17	1.26	8.09	-1.00%	8.2	8.8	30.3
FUBON FTSE	509.17	0.62	0.00	0.58%	3.7	51.8	26.8
FUESSVFL	168.98	1.02	0.00	1.97%	2.7	9.3	24.5
FUESSVN30	4.82	0.85	0.00	-0.29%	0.0	0.0	-0.2
FUEMAVN30	30.92	0.80	0.00	0.41%	0.0	0.0	-3.7
VN100	6.80	0.88	0.00	-0.03%	0.00	0.00	0.70
KIM	185.69	19.97	0.00	-0.87%	0.00	0.00	-9.78
PREMIA	30.86	13.08	0.00	-1.21%	0.00	0.52	1.07

Nhận định: ETF Diamond, Fubon, Finlead tăng quy mô trong khi ETF E1 giảm quy mô. Khối ngoại mua bán trái chiều trong khu vực.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

TDC

26.55

Upside 19.40%

Xu hướng hiện tại

Hồi phục

**Khuyến nghị
kỹ thuật**

Khả quan

TCT Kinh doanh và
Phát triển Bình Dương

Giá mục tiêu

31.7

Giá cắt lỗ

24.1

Kháng cự

27.75

Hỗ trợ

24.1

MACD

↑

RSI

↑

Moving Average

↑

Thanh khoản

↑



Nguồn: BSC Research

IDJ

29.5

Upside 29.83%

Xu hướng hiện tại

Tăng giá

**Khuyến nghị
kỹ thuật**

Khả quan

CTCP đầu tư IDJ Việt
Nam

Giá mục tiêu

38.3

Giá cắt lỗ

26.5

Kháng cự

34.7

Hỗ trợ

26.5

MACD

↑

RSI

↑

Moving Average

↑

Thanh khoản

↑



Nguồn: BSC Research



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

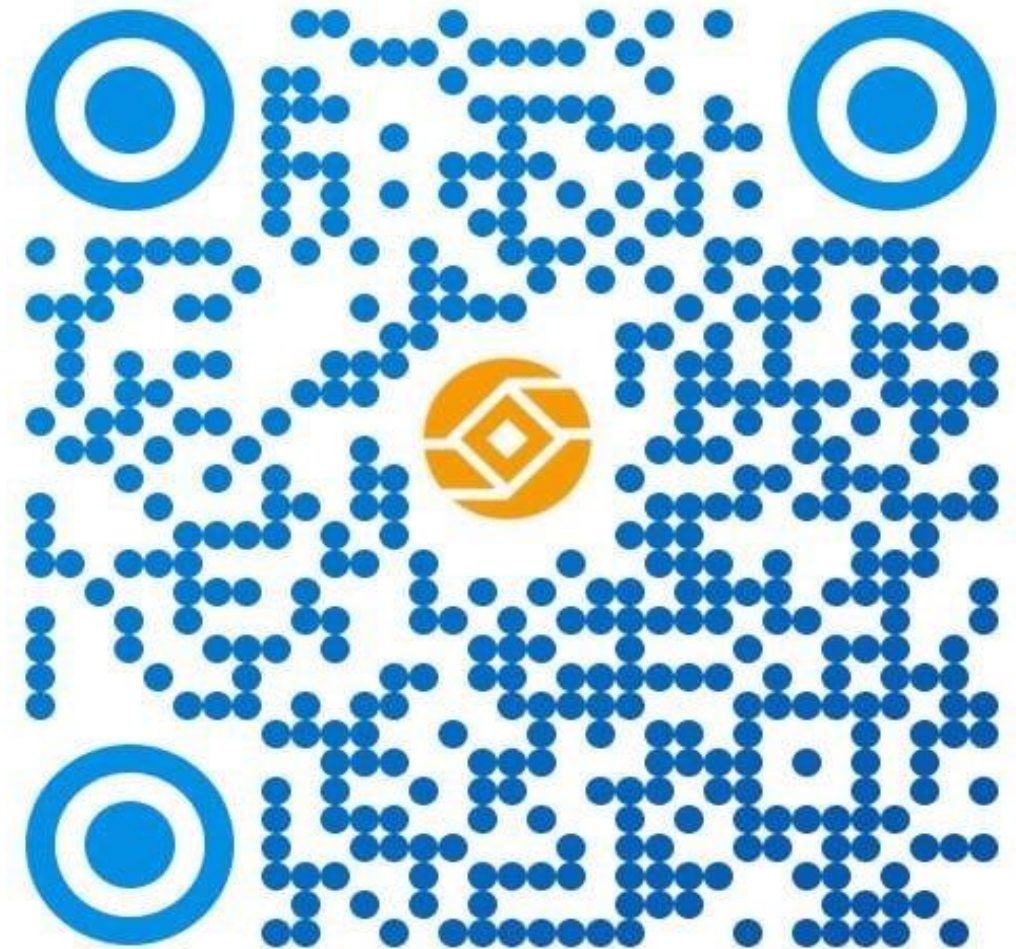
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

